

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/ HS-ST

Ngày 23 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngôn Thị Liêm và ông Nguyễn Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 61/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026 đối với:

Bị cáo Lương Đàm N; tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 14/3/1993 tại xã T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và chỗ ở: xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lương Văn N1, sinh năm 1967 và bà Đàm Thị H, sinh năm 1974; Vợ: Trần Thị H1, sinh năm 1992 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: 01 tiền án, ngày 01/02/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Tiền sự: Không

Đặc điểm nhân thân: Ngày 10/10/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Cướp giật tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/10/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam T, Trại tạm giam Công an tỉnh C. *Có mặt.*

- **Bị hại:** Ông Nông Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố E (nay là xóm E), xã T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Đàm N, sinh năm 1993, trú tại xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng có tiền án về Tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Khoảng 18 giờ 00 ngày 10/10/2025, N đi bộ từ chợ T1 về nhà ở N. Khi qua trước cửa nhà ông Nông Văn C, sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố E, xã T, tỉnh Cao Bằng. Thấy công mở, N đi vào sân thấy có 02 điện thoại để ở rõ đựng ẩm chén gần chỗ ngồi uống nước nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N lấy 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo Y93 và 01 điện thoại nhãn hiệu TCL 30se cho vào túi quần rồi đi bộ về nhà. Khi qua nhà ông Hoàng Văn T, sinh năm 1973 là người cùng xóm. N bán điện thoại nhãn hiệu Vivo Y93 cho ông T được 200.000 đồng. Số tiền này N chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 10/10/2025, Cơ quan điều tra tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu TCL 30se với Lương Đàm N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y93 đối với Hoàng Văn T để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 17/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân xã T kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu TCL 30se tại thời điểm ngày 10/10/2025 trị giá 767.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo Y93 tại thời điểm ngày 10/10/2025 trị giá 283.000 đồng; Tổng cộng 1.050.000 đồng.

Xét thấy không ảnh hưởng đến việc điều tra vụ án, ngày 24/11/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 điện thoại di động cho ông Nông Văn C là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSKV3 ngày 09 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố bị cáo Lương Đàm N ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Đàm N thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Cao Bằng đã phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mục đích bị cáo

trộm cắp tài sản là để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại Nông Văn C trình bày: Nội dung sự việc như bản cáo trạng đã nêu. Tôi đã nhận đầy đủ 02 chiếc điện thoại, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về hình phạt đối với bị cáo đề nghị xử lý bị cáo theo pháp luật. Ngoài ra, tôi không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra trình bày: Tối ngày 10/10/2025 tôi có được mua 01 chiếc điện thoại di động với Lương Đàm N số tiền 200.000 đồng; khi mua tôi không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi làm việc với Công an tôi mới biết đó là tài sản trộm cắp. Nay tôi không yêu cầu N phải bồi thường số tiền tôi đã mua điện thoại. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Đàm N từ 06 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Lương Đàm N có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Do cần tiền tiêu sài cá nhân, khoảng 18 giờ ngày 10/10/2025, bị cáo đã có hành vi vào sân nhà của ông Nông Văn C ở tổ dân phố E, xã T, tỉnh Cao Bằng trộm cắp 02 chiếc điện thoại di động của ông C trị giá 1.050.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì nghiện rượu và lười lao động nên bất chấp thực hiện với lỗi cố ý, đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tài sản bị cáo trộm được giá trị có giá trị dưới 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 01/02/2024 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, đây là tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có ông nội Lương Văn H2 là liệt sĩ có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét khi lượng hình.

Về nhân thân: Trước lần phạm tội này bị cáo đã bị Tòa án xét xử về tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản. Do vậy, bị cáo là người có nhân thân xấu. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo đã 02 lần bị xử phạt về tội xâm phạm sở hữu, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về hình phạt chính: Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại Nông Văn C xác nhận đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn T không yêu cầu bị cáo Lương Đàm N phải bồi thường. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt về tài sản của ông C, ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo không có công việc có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[7] Các nhận định khác: Đối với ông Hoàng Văn T khi mua tài sản với Lương Đàm N không biết là tài sản trộm cắp mà có. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý đối với ông T là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Đàm N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Đàm N 09 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/10/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lương Đàm N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự để sung Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng;
- PV06 Công an tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã Trùng Khánh (bằng TB);
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Thị Hoài